TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 371/2020/DS-PT Ngày: 21 - 5 - 2020 V/v Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh
Bà Lê Thị Ngọc Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLPT-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2020, về việc: "Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:790/2019/DS-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1896/2020/QĐ-PT ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1.Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1952
Địa chỉ: 4/5 Đường Đ1, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà B, sinh năm 1956 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 635/4 Đường Đ2, khu phố K1, phường P2, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông A trình bày: Nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ 635/32 Đường Đ2, khu phố K1, phường P2, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông A. Nhà có diện tích 32m^2, diện tích sân 90 m^2, sân trước nhà khoảng 30m^2 có tường rào, có 27 cọc bê tông cốt thép và lưới B40 chằng 4 dãy dây kẽm gai bảo vệ nhà và đất đã bị hư hỏng nên ông nộp đơn xin sửa chữa, cải tạo lại nhà, đất nói trên. Trong quá trình ông tiến hành sửa chữa, cải tạo nhà bà B, người cư trú trong hẻm 635 Đường Đ2 đã cùng ông C, ông D, ông E, ông G và ông H của Ủy ban nhân dân phường P2, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh đặt điều, vu khống cho ông xây dựng công trình không phép, mượn cớ phá hoại tài sản của ông, xâm chiếm 38,5 m^2 đất mặt tiền của căn nhà 635/32 Đường Đ2, cụ thể: Ngày 15/7/2015 và ngày 20/7/2015, bà B đã hai lần kéo khoảng 12 người đến đập phá cống thoát nước và lấp hố ga của căn nhà 635/32 Đường Đ2; Tại biên bản làm việc ngày 11/9/2015, bà B đã cùng với 06 người khác hợp sức bịa đặt, vu khống ông làm mái che lấn chiếm đường đi của các hộ dân ở hẻm 635 đường Đường Đ2 và đã tiến hành việc cưỡng chế tháo dỡ mái che, thu hồi các đồ nghề, vật liệu xây dựng và biên bản làm việc ngày 07/11/2015, bà B đã cùng 06 người khác tiếp tục bịa đặt, vu khống cho ông đã dựng hai trụ xi măng cản trở đường đi của các hộ dân ở hẻm và tiếp tục việc đập phá, tháo dỡ hàng rào của ông. Hành vi vi phạm pháp luật của bị đơn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền về tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông. Do đó ông khởi kiện yêu cầu bà B phải chấm dứt các hành vi vu khống ông, cải chính công khai xin lỗi ông bằng văn bản tại phiên tòa, niêm yết công khai các văn bản này tại Ủy ban nhân dân phường P2, Ủy ban nhân dân Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà 635/32 Đường Đ2, khôi phục, trả lại cho ông các tài sản bị phá hủy và yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông theo Điều 592 Bộ luật dân sự 2015, tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/12/2017 là 22.394.770.000 đồng (Hai mươi hai tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng). Trong đó: Tiền thiệt hại do bị mất thu tiền lương và mất thu tiền kinh doanh cho thuê mặt bằng: 2.561.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu đồng), tiền thiệt hại do bị mất các chi phí hợp lý khác để khắc phục giảm thiệt hại: 19.796.270.000 đồng (Mười chín tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng), tiền tổn thất về tinh thần: 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản tự khai bà B là bị đơn trình bày: Bà là người cư trú cùng hẻm 635 với ông A. Trước đây đường thoát nước công cộng của hẻm là mương hở, trước nhà ông A có trồng hai cây bàng, lá bàng thường xuyên rụng xuống mương gây ảnh hưởng đến dòng chảy của mương nên bà có đến vận động ông A tham gia bảo vệ môi trường. Năm 2015, ông I là người mới mua đất ở hẻm này phối hợp với dân tổ 6 có nhà trong hẻm xin Ủy ban phường cho đặt cống dọc suốt tuyến

mương từ đầu hẻm 365 giáp Đường Đ2 cho đến đất của ông I. Khi cống đặt xong, tường rào nhà ông A giáp với mặt đường hẻm, ông A sửa chữa nhà và có làm mái che ra mặt đường. Ủy ban phường cử người xuống vận động ông tháo mái che nhưng ông không chịu tháo dỡ. Sau đó, Ủy ban phường có cử người xuống cưỡng chế tháo dỡ. Bà là một trong số những người chứng kiến việc cưỡng chế đó, bà không tham gia làm hư hại tài sản gì của ông và cũng không xúc phạm gì đến danh dự của ông A. Việc ông A yêu cầu bà phải bồi thường thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín, nhân phẩm là không có căn cứ nên bà không đồng ý bồi thường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 790/2019/DS - ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu bà B bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 12/11/2019, ông A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại đơn kháng cáo ngày 12/11/2019 nguyên đơn ông A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm với những lý do:

Yêu cầu Tòa án triệu tập ông K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ hành vi vi phạm trái pháp luật của bà B làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông A.

Cấp sơ thẩm ra bản án vi phạm toàn bộ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn ông A không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho việc kháng cáo của ông A nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông A; Bị đơn bà B Tòa án đã triệu tập hợp lần thứ hai nhưng bà B vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông A và bà B.

[2] Đối với yêu cầu của ông A đề nghị triệu tập ông K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Bởi vì, ông A khởi kiện bà B và cho rằng bà B xâm hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông, nên ông yêu cầu bà B công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín do bị xúc phạm. Như vậy, ông C không có quyền lợi hoặc nghĩa vụ đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông A.

[3] Nguyên đơn ông A kháng cáo cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ hành vi vi phạm trái pháp luật của bà B làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông A.

[3.1] Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2017 (bút lục số 72) và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2017 (bút lục số 73,74,75) ông A cho rằng bà B có hành vi vi phạm trái pháp luật xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông A.

[3.2] Tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp". Căn cứ vào Điều luật nêu trên thì ông A phải là người cung cấp chứng cứ chứng minh bà B có hành vi vi phạm trái pháp luật xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông A, chứ không phải bà B nên Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành Quyết định yêu cầu bà B cung cấp chứng cứ chứng minh bà B có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông A là đúng theo quy định của pháp luật nên kháng cáo phần này của ông A là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ông A kháng cáo cấp sơ thẩm ra bản án vi phạm toàn bộ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.1] Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2017 ông A yêu cầu bà B chấm dứt hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín đối với ông, phải có trách nhiệm khôi phục, làm mới lại các tài sản của ông bị phá hủy và phải bồi thường thiệt hại do bà B đã xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông với số tiền 35.000.000

đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Ngày 19/10/2017 ông A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà B bồi thường thiệt hại do đã xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông với số tiền tổng cộng là 22.394.770.000 đồng (Hai mươi hai tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng). Xét tại phiên tòa phúc thẩm ông A không cung cấp chứng cứ chứng minh hành vi trái pháp luật của bà B đã xâm phạm tài sản, danh dự, nhân phẩm của ông A và thiệt hại của ông A nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông A là có căn cứ nên kháng cáo phần này của ông A là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phần quyết định cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu bà B bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm nhưng không tuyên với số tiền là 22.394.770.000 đồng (Hai mươi hai tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) là thiếu sót. Vì vậy, cấp phúc thẩm bổ sung phần này của cấp sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông A.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông A.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu bà B bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm với số tiền là 22.394.770.000 đồng (Hai mươi hai tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

4.Án phí dân sự sơ thẩm: Ông A là người cao tuổi nên được miễn án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông A.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Q2;
- Chi cục THADS Quận Q2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu